

Số: 872a /QĐ-ĐHNLBG-NNTH

Bắc Giang, ngày 04 tháng 9 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

V/v thành lập các lớp tiếng Anh tương đương trình độ A2, Kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản đợt tháng 9 - 11 năm 2019

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG - LÂM BẮC GIANG

Căn cứ Quyết định số 133/QĐ-TTg ngày 20/01/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang;

Căn cứ Quyết định số 4663/QĐ-BNN-TCCB ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang;

Căn cứ Thông tư số 21/2018/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về quy chế Tổ chức và hoạt động của trung tâm ngoại ngữ, tin học;

Căn cứ Quyết định số 202/QĐ-ĐHNLBG-TCCB ngày 10 tháng 4 năm 2015 của Hiệu trưởng trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang về việc thành lập Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học;

Xét đề nghị của Giám đốc trung tâm Ngoại ngữ - Tin học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập các lớp đợt tháng 9 - 11 năm 2019 của Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học, Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang:

+ 02 lớp Tiếng Anh tương đương trình độ A2 khung tham chiếu Châu Âu (dành cho sinh viên), tổng số 37 học viên bao gồm các lớp A2-09, A2-10;

+ 01 lớp Kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin cơ bản, tổng số 28 học viên lớp CNTT36.

(Danh sách lớp học và kế hoạch giảng dạy kèm theo).

Điều 2. Mục tiêu, chương trình và kế hoạch đào tạo các lớp tiếng Anh tương đương trình độ A2 khung tham chiếu Châu Âu căn cứ nội dung Quyết định số 314//QĐ-ĐHNLBG-NNTH ngày 20 tháng 3 năm 2018 của Hiệu trưởng trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang về việc ban hành chương trình đào tạo và Định dạng đề thi đánh giá năng lực sử dụng tiếng Anh tương đương trình độ A2 khung tham chiếu Châu Âu và Quy chế

tổ chức và hoạt động của Trung tâm ngoại ngữ - Tin học ban hành kèm theo quyết định số 202/QĐ-ĐHNLBG-TCCB ngày 10 tháng 4 năm 2015 của Hiệu trưởng trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang.

Điều 3. Mục tiêu, chương trình và kế hoạch đào tạo các lớp Kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin Cơ bản căn cứ Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin và Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm ngoại ngữ - Tin học ban hành kèm theo quyết định số 202/QĐ-ĐHNLBG-TCCB ngày 10 tháng 4 năm 2015 của Hiệu trưởng trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang.

Điều 4. Giám đốc Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học, các giảng viên, các đơn vị, cá nhân có liên quan và các học viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./. 

Nơi nhận:

- BGH (b/c);
- CT HĐT (b/c);
- Như điều 4;
- Lưu: VT, NNTH.



PGS.TS. Nguyễn Quang Hà

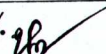
**DANH SÁCH LỚP TIẾNG ANH TƯƠNG ĐƯƠNG TRÌNH ĐỘ A2, KỸ NĂNG SỬ DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN
ĐỢT THÁNG 9 - 11 NĂM 2019**

(Ban hành kèm theo QĐ số 872² /QĐ-ĐHNLBG-NNTH ngày 04 tháng 9 năm 2019 của Hiệu trưởng)

1. Danh sách lớp Tiếng Anh tương đương trình độ A2 khung tham chiếu Châu Âu (dành cho sinh viên)

1.1. Lớp A2-09

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Mã SV	Ghi chú
1	Nguyễn Văn	Cảnh	02/3/1995	Bắc Ninh	C-THUY18A	17CTY0101	
2	Trần Quang	Đạo	03/7/1999	Bắc Giang	C-THUY18A	17CTY0103	
3	Nguyễn Văn	Đoàn	13/5/1998	Bắc Giang	C-THUY18A	17CTY0104	
4	Trần Thị	Giang	26/02/1999	Bắc Giang	C-THUY18A	17CTY0105	
5	Nguyễn Thị	Hảo	08/11/1998	Bắc Giang	D-BVTV6A	16DBVTV0007	
6	Đỗ Thị	Hiền	25/5/1998	Bắc Giang	D-BVTV6A	16DBVTV0008	
7	Nguyễn Thị Linh	Hiệp	03/5/1998	Bắc Giang	D-BVTV6A	16DBVTV0009	
8	Nguyễn Văn	Hoàng	22/02/1997	Bắc Giang	D-BVTV6A	16DBVTV0010	
9	Lê Tiến	Hùng	04/7/1999	Đồng Nai	D-KHCT7A	17DKHCT0124	
10	Lê Duy	Khánh	05/11/1998	Bắc Giang	D-BVTV6A	16DBVTV0011	
11	Nguyễn Phi	Kiên	01/9/1999	Bắc Giang	C-THUY18A	17CTY0107	
12	Mai Văn	Lợi	16/4/1998	Cần Thơ	D-BVTV6A	16DBVTV0012	
13	Phạm Thị	Thảo	20/01/1998	Bắc Giang	D-BVTV6A	16DBVTV0014	
14	Dương Văn	Thạo	11/7/1994	Bắc Giang	C-THUY18A	17CTY0111	
15	Vũ Tiến	Thịnh	14/01/1998	Yên Bái	D-KHCT7A	17DKHCT0127	
16	Dương Minh	Trọng	22/8/1999	Bắc Giang	C-THUY18A	17CTY0113	
17	Hoàng Anh	Tùng	11/10/1997	Hưng Yên	D-KHCT7A	17DKHCT0129	

Danh sách lớp A2-09 gồm 17 học viên. 

1.2. Lớp A2-10

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Mã SV	Ghi chú
1	Bùi Thị Ngọc	Anh	11/8/1998	Hung Yên	D-THUY6B	16DTY0454	
2	Đinh Tiến	Anh	07/02/1998	Thanh Hóa	D-THUY6A	16DTY0390	
3	Trần Thị Kim	Cúc	15/12/1999	Bắc Ninh	D-QLDD7A	17DQLDD0460	
4	Hà Duyên	Duy	28/9/1999	Hà Nội	D-CNTP7A	17DCNTP0145	
5	Nguyễn Xuân	Hải	11/5/1998	Bắc Giang	D-KHCT6A	16DKHCT0120	
6	Nguyễn Trung	Hiếu	18/7/1998	Bắc Giang	D-KHCT6A	16DKHCT0121	
7	Nguyễn Thị	Huyền	26/11/1999	Bắc Giang	D-CNTP7A	17DCNTP0148	
8	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	21/1/1999	Bắc Giang	D-CNTP7A	17DCNTP0149	
9	Phan Thị Thu	Huyền	25/02/1997	Bắc Giang	D-KETOAN5A	15DKT0289	
10	Mã Huy	Khanh	20/7/1998	Lạng Sơn	D-KHCT6A	16DCNTY0021	
11	Nguyễn Công	Khanh	25/5/1998	Bắc Ninh	D-QLDD6A	16DQLDD0449	
12	Nguyễn Xuân Duy	Khánh	24/11/1997	Bắc Giang	D-BVTV6A	15DBVTV0005	
13	Trần Tú	Linh	06/4/1998	Bắc Giang	D-CNTP6A	16DĐBCLTP0002	
14	Lương Thúy	Minh	16/11/1998	Bắc Giang	D-CNTP6A	16DCNTP0139	
15	Bùi Thị	Phượng	12/6/1998	Bắc Giang	D-KINHTE6A	16DKT0024	
16	Vi Thị	Phượng	18/5/2000	Bắc Giang	D-KHCT8A	18DKHCT0136	
17	Vũ Trung	Thành	03/10/1998	Hải Dương	D-THUY6B	16DTY0499	
18	Trần Văn	Thi	19/9/1998	Hải Dương	D-BVTV6A	16DBVTV0015	
19	Hoàng Anh	Tiến	20/3/1998	Hà Nam	D-THUY6A	16DTY0440	
20	Diêm Đăng	Tứ	20/02/1999	Đắk Lắk	C-THUY18A	17CTY0114	

Danh sách lớp A2-10 gồm 20 học viên./

2. Lớp Ứng dụng CNTT Cơ bản

2.1 Lớp CNTT CB36

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Mã SV	Ghi chú
1	Ngô Hùng	30/3/1999	Bắc Giang	D-CNTY7A	17DCNTY0043	
2	Nguyễn Đức	14/4/1998	Bắc Giang	D-QLDD6A	16DQLDD0445	
3	Trần Thị Thanh	30/5/1998	Lạng Sơn	D-KETOAN7A	16DKT0335	
4	Nguyễn Hữu	03/6/1998	Hung Yên	D-CNTY7A	17DCNTY0045	
5	Nguyễn Trung	18/7/1998	Bắc Giang	D-KHCT6A	16DKHCT0121	
6	Mai Văn	12/3/1999	Quảng Bình	D-CNTY7A	17DCNTY0047	
7	Đặng Quang	25/3/1998	Hung Yên	D-THUY6B	16DTY0471	
8	Tạ Thị Thanh	17/01/1998	Bắc Giang	D-QLTN6A	16DQLTN0347	
9	Nguyễn Xuân Duy	24/11/1997	Bắc Giang	D-BVTV6A	15DBVTV0005	
10	Chu Thị	16/11/1999	Lạng Sơn	D-KHCT7A	17DKHCT0	
11	Đỗ Thùy	19/4/1999	Bắc Giang	D-KETOAN7A	17DKT0377	
12	Âu Thùy	07/7/1999	Lạng Sơn	D-KHCT7A	17DKHCT0130	
13	Trần Hồng	05/6/1998	Bắc Giang	D-QLDD6A	16DQLDD0450	
14	Dương Thị	04/7/1999	Bắc Giang	D-KETOAN7A	17DKT0382	



15	Nguyễn Hoàng Phương	Thanh	14/6/1999	Bắc Giang	D-KETOAN7A	17DKT0384	
16	Nguyễn Thị	Thảo	15/10/1999	Bắc Giang	D-KETOAN7A	17DKT0385	
17	Trần Văn	Thi	19/9/1998	Hải Dương	D-BVTV6A	16DBVTV0015	
18	Đặng Văn	Thịnh	26/03/1998	Bắc Giang	D-QLDD6A	16DQLDD0452	
19	Vi Đức	Thịnh	15/12/1998	Bắc Giang	D-QLDD6A	16DQLTN0451	
20	Nguyễn Thị	Thơ	01/01/1988	Bắc Giang	D-QLDD6A	16DQLDD0453	
21	Trần Thị	Tĩnh	10/7/1994	Bắc Giang	-	-	
22	Dương Quang	Trường	08/11/1999	Bắc Giang	D-CNTY7A	17DCNTY0051	
23	Nguyễn Xuân	Trường	04/02/1998	Hà Nội	D-CNTY7A	17DCNTY0052	
24	Nguyễn Văn	Tuấn	10/8/1999	Bắc Giang	D-CNTY7A	17DCNTY0053	
25	Diêm Đăng	Tứ	20/02/1999	Đắk Lắk	C-THUY18A	17CTY0114	
26	Nông Thị Thu	Uyên	24/7/1998	Tuyên Quang	D-QLDD6A	16DQLTN0457	
27	Trần Đình	Vy	08/8/1998	Hà Nội	D-CNTY7A	17DCNTY0054	
28	Bùi Thị Như	Ý	15/01/1998	Bắc Giang	D-KINHTE7A	17DKT0393	

Danh sách lớp CNTT CB36 gồm 28 học viên ✓

**KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY CÁC LỚP TIẾNG ANH TƯƠNG ĐƯƠNG TRÌNH ĐỘ A2,
KỸ NĂNG SỬ DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN**

ĐỢT THÁNG 9 - 11 NĂM 2019

(Ban hành kèm theo Quyết định số 872^q/QĐ-ĐHNLBG-NNTH ngày 04 tháng 9 năm 2019
của Hiệu trưởng)

1. Phân công giảng viên giảng dạy và chủ nhiệm

STT	Tên lớp	Giáo viên giảng dạy và chủ nhiệm	Địa điểm lớp học
1	A2-09	Vũ Phạm Diệp Trà	Phòng học tiếng 02 TTNN-TH
2	A2-10	Đỗ Thị Huyền	Phòng thực hành khoa KT-TC
4	CNTTCB36	Lê Thị Phương Huyền	Phòng máy tính 01 TTNN-TH

2. Thời Khóa biểu các lớp: A2-09, CNTTCB36

Lịch học: 30 buổi, Từ 09/9/2019 đến 15/11/2019 cụ thể:

STT	Ngày	Buổi	Số tiết	Thời gian bắt đầu - kết thúc
Khai giảng ngày: 09/9/2019				
1	09/9/2019	Chiều tối	3	17h30' - 20h00'
2	11/9/2019	Chiều tối	3	17h30' - 20h00'
3	13/9/2019	Chiều tối	3	17h30' - 20h00'
4	16/9/2019	Chiều tối	3	17h30' - 20h00'
5	18/9/2019	Chiều tối	3	17h30' - 20h00'
6	20/9/2019	Chiều tối	3	17h30' - 20h00'
7	23/9/2019	Chiều tối	3	17h30' - 20h00'
8	25/9/2019	Chiều tối	3	17h30' - 20h00'
9	27/9/2019	Chiều tối	3	17h30' - 20h00'
10	30/9/2019	Chiều tối	3	17h30' - 20h00'
11	02/10/2019	Chiều tối	3	17h30' - 20h00'
12	04/10/2019	Chiều tối	3	17h30' - 20h00'
13	07/10/2019	Chiều tối	3	17h30' - 20h00'
14	09/10/2019	Chiều tối	3	17h30' - 20h00'
15	11/10/2019	Chiều tối	3	17h30' - 20h00'
16	14/10/2019	Chiều tối	3	17h30' - 20h00'
17	16/10/2019	Chiều tối	3	17h30' - 20h00'
18	18/10/2019	Chiều tối	3	17h30' - 20h00'
19	21/10/2019	Chiều tối	3	17h30' - 20h00'
20	23/10/2019	Chiều tối	3	17h30' - 20h00'
21	25/10/2019	Chiều tối	3	17h30' - 20h00'
22	28/10/2019	Chiều tối	3	17h30' - 20h00'
23	30/10/2019	Chiều tối	3	17h30' - 20h00'
24	01/11/2019	Chiều tối	3	17h30' - 20h00'
25	04/11/2019	Chiều tối	3	17h30' - 20h00'
26	06/11/2019	Chiều tối	3	17h30' - 20h00'
27	08/11/2019	Chiều tối	3	17h30' - 20h00'
28	11/11/2019	Chiều tối	3	17h30' - 20h00'
29	13/11/2019	Chiều tối	3	17h30' - 20h00'
30	15/11/2019	Chiều tối	3	17h30' - 20h00'
Tổng			90	

qh

2. Thời khoá biểu lớp A2-10

Lịch học: 30 buổi, Từ 10/9/2019 đến 17/11/2019 cụ thể:

STT	Ngày	Buổi	Số tiết	Thời gian bắt đầu - kết thúc
Khai giảng ngày: 10/9/2019				
1	10/9/2019	Chiều tối	3	17h30' - 20h00'
2	12/9/2019	Chiều tối	3	17h30' - 20h00'
3	15/9/2019	Chiều tối	3	17h30' - 20h00'
4	17/9/2019	Chiều tối	3	17h30' - 20h00'
5	19/9/2019	Chiều tối	3	17h30' - 20h00'
6	22/9/2019	Chiều tối	3	17h30' - 20h00'
7	24/9/2019	Chiều tối	3	17h30' - 20h00'
8	26/9/2019	Chiều tối	3	17h30' - 20h00'
9	29/9/2019	Chiều tối	3	17h30' - 20h00'
10	01/10/2019	Chiều tối	3	17h30' - 20h00'
11	03/10/2019	Chiều tối	3	17h30' - 20h00'
12	06/10/2019	Chiều tối	3	17h30' - 20h00'
13	08/10/2019	Chiều tối	3	17h30' - 20h00'
14	10/10/2019	Chiều tối	3	17h30' - 20h00'
15	13/10/2019	Chiều tối	3	17h30' - 20h00'
16	15/10/2019	Chiều tối	3	17h30' - 20h00'
17	17/10/2019	Chiều tối	3	17h30' - 20h00'
18	20/10/2019	Chiều tối	3	17h30' - 20h00'
19	22/10/2019	Chiều tối	3	17h30' - 20h00'
20	24/10/2019	Chiều tối	3	17h30' - 20h00'
21	27/10/2019	Chiều tối	3	17h30' - 20h00'
22	29/10/2019	Chiều tối	3	17h30' - 20h00'
23	31/10/2019	Chiều tối	3	17h30' - 20h00'
24	03/11/2019	Chiều tối	3	17h30' - 20h00'
25	05/11/2019	Chiều tối	3	17h30' - 20h00'
26	07/11/2019	Chiều tối	3	17h30' - 20h00'
27	10/11/2019	Chiều tối	3	17h30' - 20h00'
28	12/11/2019	Chiều tối	3	17h30' - 20h00'
29	14/11/2019	Chiều tối	3	17h30' - 20h00'
30	17/11/2019	Chiều tối	3	17h30' - 20h00'
Tổng			90	